

**CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG XANH VIỆT NAM**

**CÔNG BỐ NỘI DUNG ẨM KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG XANH VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIETNAM GREEN ENVIRONMENTAL TECHNOLOGY DEVELOPMENT INVESTMENT LIMITED COMPANY

Tên công ty viết tắt: VIETNAM GREEN ENVIRONMENTAL

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109619535

**3. Ngày thành lập:** 05/05/2021

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số nhà 66, xóm 9, Thôn Yên Ngưu, Xã Tam Hiệp, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 036.888.9666

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                     | Mã ngành    |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa                                                                                                                                                                                                                                          | 0118        |
| 2.  | Trồng cây ăn quả                                                                                                                                                                                                                                                              | 0121        |
| 3.  | Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm                                                                                                                                                                                                                                           | 0131        |
| 4.  | Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm                                                                                                                                                                                                                                            | 0132        |
| 5.  | Hoạt động dịch vụ trồng trọt                                                                                                                                                                                                                                                  | 0161        |
| 6.  | Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch                                                                                                                                                                                                                                               | 0163        |
| 7.  | Xử lý hạt giống để nhân giống                                                                                                                                                                                                                                                 | 0164        |
| 8.  | Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp                                                                                                                                                                                                                         | 0210        |
| 9.  | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                                                                                                                                             | 4229        |
| 10. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                                                                                                    | 4299        |
| 11. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                                             | 4312        |
| 12. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                         | 4322        |
| 13. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                                                                                                                        | 4653        |
| 14. | Bán buôn tổng hợp<br>(Trừ hàng hóa bị cấm theo quy định)                                                                                                                                                                                                                      | 4690        |
| 15. | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên                                                                                                                                                                                                  | 7211        |
| 16. | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ                                                                                                                                                                                     | 7212        |
| 17. | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp                                                                                                                                                                                               | 7214        |
| 18. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Tư vấn môi trường<br>- Dịch vụ tư vấn lập báo cáo đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết.<br>- Dịch vụ quan trắc môi trường | 7490(Chính) |
| 19. | Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan                                                                                                                                                                                                                                         | 8130        |

**6. V n đi u l :** 5.000.000.000 VNĐ

**7. Thông tin v ch s h u:**

Họ và tên:

Giới tính:

Sinh ngày:

Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân:

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Địa chỉ liên lạc:

Thời gian đăng từ ngày 05/05/2021 đến ngày 04/06/2021

**8. Nội dung pháp luật:**

\* Họ và tên: ĐINH QUỐC CƯỜNG

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *10/03/1988*

Dân tộc: *Mường*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *050623499*

Ngày cấp: *03/11/2020*

Nơi cấp: *Công an tỉnh Sơn La*

Địa chỉ thường trú: *Tường Lang 3, Xã Mường Lang, Huyện Phù Yên, Tỉnh Sơn La, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Tường Lang 3, Xã Mường Lang, Huyện Phù Yên, Tỉnh Sơn La, Việt Nam*

**9. Nội dung đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội